

Phụ lục I
KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Chỉ số cải cách hành chính năm 2025	Xếp loại
1	Sở Xây dựng	97.03	XUẤT SẮC
2	Sở Nội vụ	96.59	
3	Sở Khoa học và Công nghệ	95.32	
4	Thanh tra tỉnh	91.39	
5	Văn phòng UBND tỉnh	91.38	
6	Sở Tài chính	91.2	
7	Ban Quản lý Các KCN tỉnh	91.16	
8	Sở Tư pháp	90.75	
9	Sở Công Thương	89.95	TỐT
10	Sở Dân tộc và Tôn giáo	89.23	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	89	
12	Sở Y tế	88.33	
13	Sở Ngoại vụ	87.82	
14	Sở Nông nghiệp và Môi trường	86.9	
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	86.18	
	Điểm trung bình	90.82	

Phụ lục II
KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025
CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Chỉ số cải cách hành chính năm 2025	Xếp loại
1	UBND xã Sông Mã	98.01	XUẤT SẮC
2	UBND xã Chiềng Mung	94.1	
3	UBND phường Mộc Châu	94.06	
4	UBND xã Bắc Yên	93.58	
5	UBND xã Sốp Cộp	93.41	
6	UBND phường Chiềng Sinh	93.16	
7	UBND xã Thuận Châu	92.29	
8	UBND xã Yên Châu	91.93	
9	UBND phường Chiềng Cơi	91.07	
10	UBND phường Tô Hiệu	91.02	
11	UBND xã Phù Yên	90.97	
12	UBND xã Mường La	90.63	
13	UBND phường Thảo Nguyên	90.24	
14	UBND xã Chiềng Hặc	89.76	TỐT
15	UBND phường Chiềng An	89.58	
16	UBND phường Vân Sơn	88.99	
17	UBND phường Mộc Sơn	88.62	
18	UBND xã Chiềng Sơn	88.06	
19	UBND xã Vân Hồ	87.99	
20	UBND xã Púng Bính	87.66	
21	UBND xã Huổi Một	87.37	
22	UBND xã Chiềng Sơ	87.22	
23	UBND xã Mường Lạn	87.03	
24	UBND xã Mường Sại	86.55	
25	UBND xã Quỳnh Nhai	86.49	
26	UBND xã Bó Sinh	86.33	
27	UBND xã Bình Thuận	86.21	
28	UBND xã Mường Hung	86.17	
29	UBND xã Tường Hạ	86.1	

30	UBND xã Chiềng Lao	85.71	
31	UBND xã Mai Sơn	85.15	
32	UBND xã Mường Lầm	84.8	
33	UBND xã Tô Múa	84.52	
34	UBND xã Song Khủa	84.38	
35	UBND xã Gia Phù	84.36	
36	UBND xã Chiềng Khoong	83.97	
37	UBND xã Chiềng Khương	83.72	
38	UBND xã Mường Bú	82.97	
39	UBND xã Phiêng Khoài	82.67	
40	UBND xã Nậm Lầu	82.02	
41	UBND xã Phiêng Păn	81.87	
42	UBND xã Mường Lèo	81.64	
43	UBND xã Tân Yên	81.5	
44	UBND xã Mường Giôn	80.89	
45	UBND xã Đoàn Kết	80.33	TRUNG BÌNH
46	UBND xã Tạ Khoa	78.52	
47	UBND xã Mường Bang	78.19	
48	UBND xã Mường Chiên	77.64	
49	UBND xã Tà Hộc	77.16	
50	UBND xã Pắc Ngà	76.43	
51	UBND xã Muối Nọi	75.48	
52	UBND xã Co Mạ	75.3	
53	UBND xã Chiềng Mai	75.27	
54	UBND xã Chiềng La	73.19	
55	UBND xã Xuân Nha	73.15	
56	UBND xã Lóng Phiêng	73.07	
57	UBND xã Mường Khiêng	71.45	
58	UBND xã Mường Chanh	70.8	
59	UBND xã Tà Xùa	70.71	
60	UBND xã Mường Bám	70.39	
61	UBND xã Lóng Sập	70.36	THẤP
62	UBND xã Tân Phong	70.04	
63	UBND xã Long Hẹ	69.86	
64	UBND xã Mường Cơi	69.85	
65	UBND xã Chiềng Hoa	69.14	
66	UBND xã Kim Bon	69.1	
67	UBND xã Xím Vàng	68.25	

68	UBND xã Nậm Ty	66.3	
69	UBND xã Suối Tọ	65.91	
70	UBND xã Ngọc Chiến	64.99	
71	UBND xã Mường É	62.12	
72	UBND xã Phiêng Cầm	61.03	
73	UBND xã Yên Sơn	60.92	
74	UBND xã Chiềng Sung	60.9	
75	UBND xã Chiềng Sại	57.42	
	Điểm trung bình	80.51	